

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2025/DS-ST**
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-DS ngày 24/02/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 22/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: ông **Nguyễn Minh T** - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: K393/9 N, tổ E khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Quốc T1 - Địa chỉ: tổ G, thôn L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Vắng mặt

* Bị đơn: bà **Huỳnh Thị T2** - Sinh năm 1970 - Địa chỉ: số nhà B đường Đ, tổ D, phường H, quận L (cũ), nay là phường L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà **Huỳnh Hồng T3** - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Nguyễn Minh T và người đại diện trình bày:*

Vào ngày 26/8/2019, bà Huỳnh Thị T2 đã gặp ông Nguyễn Minh T đề nhờ ông T vay mượn giúp số tiền 200.000.000 đồng. Bà T2 cam kết sẽ hoàn trả khoản vay này theo hình thức trả góp hàng tháng số tiền 15.700.000 đồng, lãi suất 1,9%/ tháng,

thời hạn thanh toán trong vòng 18 tháng và đã viết tay "Đơn xin mượn vay tiền". Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả góp được hai bên thỏa thuận tính từ ngày 25/10/2019. Theo đó, bà T2 thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền trong hai tháng đầu tiên vào ngày 25/10/2019 và ngày 25/11/2019 với tổng số tiền đã trả là 30.000.000 đồng. Đến kỳ thanh toán tiếp theo vào ngày 25/12/2019, bà T2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy ông T đã tìm gặp bà T2 để nhắc nhở, yêu cầu bà T2 trả nợ đúng như đã thỏa thuận và bà T2 đã ký vào "Giấy yêu cầu thực hiện thỏa thuận bên vay" do ông T soạn sẵn với cam kết bắt đầu từ ngày 22/6/2020 sẽ thanh toán nợ gốc và lãi theo đúng nội dung thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó bà T2 vẫn không thực hiện trả nợ như đã cam kết.

Để đảm bảo quyền lợi, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T2 trả số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 25/12/2019 đến ngày 23/12/2024 với số tiền lãi cụ thể 166.498.000 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/12/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

** Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Huỳnh Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Hồng T3 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 của bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275 và 280 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường L, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tuy nhiên nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Huỳnh Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Hồng T3 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu khởi kiện về việc buộc bị đơn Huỳnh Thị T2 thanh toán cho nguyên đơn Nguyễn Minh T số tiền nợ 336.498.000đồng:

Theo nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày, vào ngày 26/8/2019 ông Nguyễn Minh T đã vay giúp cho bà Huỳnh Thị T2 số tiền 200.000.000đồng, bà T2 cam kết hoàn trả theo hình thức trả góp hàng tháng, khi vay bà T2 đã tự viết Đơn xin mượn vay tiền; tuy nhiên bà T2 chỉ trả được hai tháng với số tiền 30.000.000đồng thì không trả nữa nên nguyên đơn yêu cầu buộc bà T2 trả số tiền 336.498.000đồng, trong đó nợ gốc 170.000.000đồng, nợ lãi 166.498.000đồng. Cùng với yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ cung cấp bản photo Giấy yêu cầu thực hiện thỏa thuận bên vay không đề ngày tháng, Đơn xin mượn vay tiền đề ngày 26/8/2019 và cho rằng không cung cấp được bản chính các giấy tờ này do bà Huỳnh Hồng T3 đang nắm giữ không chịu giao cho nguyên đơn. Bị đơn là bà Huỳnh Thị T2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Hồng T3 không ý kiến phản hồi, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh của các đương sự được quy định như sau: “1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Tại Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định chứng cứ cũng quy định: “... Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp ...”.

Như vậy pháp luật đã quy định nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự thuộc về đương sự. Cụ thể đối với vụ án này thì ông Nguyễn Minh T là người có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh việc bà T2 đã vay mượn tiền của ông T, số tiền vay, thỏa thuận tiền lãi. Tuy nhiên ông T chỉ cung cấp cho Tòa án bản photo, không cung cấp được bản gốc Giấy yêu cầu thực hiện thỏa thuận bên vay không đề ngày tháng, Đơn xin mượn vay tiền đề ngày 26/8/2019; do vậy theo quy định tại các điều luật đã viện dẫn trên đây Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định các bản photo

này là chứng cứ, nên cũng không có đủ cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi nào nguyên đơn thu thập được chứng cứ để chứng minh có thể khởi kiện lại vụ án.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở cần chấp nhận.

[5] Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí cụ thể phải chịu: $336.498.000\text{đồng} \times 5\% = 16.824.900\text{đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 95, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Huỳnh Thị T2 trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T số tiền nợ 336.498.000đồng.

Khi nào nguyên đơn có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện có thể khởi kiện lại bằng vụ án khác.

2. Buộc ông Nguyễn Minh T chịu 16.824.900đồng (Mười sáu triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trừ số tiền nộp tạm ứng án phí 8.412.450đ (Tám triệu, bốn trăm mười hai ngàn, bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0007372 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ).

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ná hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI